

Phụ lục

GIỚI THIỆU NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG SỐ CỦA HỘ, CÁ NHÂN

Tại điểm b khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 quy định bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 như sau:

“4a. Đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thì tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thì có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế. Chính phủ quy định chi tiết phạm vi trách nhiệm và cách thức các tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, quản lý nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của các hộ, cá nhân; về hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế của các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số”

Triển khai thực hiện nội dung Luật số 56/2024/QH15 đã giao nêu trên, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 quy định về hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Nghị định số 117/2025/NĐ-CP gồm 4 chương, 13 điều. Nội dung cơ bản của Nghị định số 117/2025/NĐ-CP như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2, Điều 3)

1.1. Phạm vi trách nhiệm và cách thức các tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, quản lý nền tảng số và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ đối với các giao dịch kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của các hộ, cá nhân; về hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế của các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

1.2. Đối tượng áp dụng: (1) Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay; (2) Hộ, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số; (3) Cơ quan quản lý thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.3. Giải thích các từ ngữ: *Tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán; Tổ chức có hoạt động kinh tế số khác; Nền tảng thương mại điện tử; Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú.*

2. Phạm vi trách nhiệm, cách thức khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay

2.1. Về khấu trừ, nộp thuế thay (Điều 4)

Tổ chức quản lý nền tảng TMĐT thực hiện khấu trừ, khai, nộp thuế GTGT, thuế TNCN thay cho hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT:

2.1.1. Về thuế GTGT: Khấu trừ, nộp thuế thay số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu ở trong nước của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

2.1.2. Về thuế TNCN: Khấu trừ, nộp thuế thay *hộ, cá nhân cư trú* số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong và ngoài nước của cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử; thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay *hộ, cá nhân không cư trú* số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong nước của cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử. *(Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân).*

2.2. Về thời điểm thực hiện khấu trừ và xác định số thuế phải khấu trừ

2.2.1. Tổ chức quản lý nền tảng TMĐT thực hiện khấu trừ số thuế GTGT, số thuế TNCN phải nộp đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trên nền tảng thương mại điện tử thuộc phạm vi quản lý ngay khi xác nhận giao dịch thành công và chấp nhận thanh toán đối với giao dịch bán hàng hóa, dịch vụ trên nền tảng thương mại điện tử cho hộ, cá nhân.

2.2.2. Doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân được hưởng mà tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thu hộ.

2.2.3. Số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập cá nhân phải thực hiện khấu trừ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu của mỗi giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Tỷ lệ % tính thuế GTGT, thuế TNCN thực hiện theo Luật Thuế TNCN, Luật Thuế GTGT *(tại Nghị định có quy định cụ thể tỷ lệ % để thuận lợi trong việc thực hiện).*

2.3. Cách thức kê khai, nộp số thuế đã khấu trừ (Điều 6)

2.3.1. Về việc cấp mã số thuế khai thay:

- Hệ thống của cơ quan thuế cấp mã số thuế riêng (mã số thuế 10 chữ số) cho tổ chức quản lý nền tảng TMĐT trong nước để kê khai và nộp thay số thuế đã khấu trừ và không phải nộp hồ sơ đăng ký thuế.

- Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử ở nước ngoài được cấp mã số thuế 10 chữ số để thực hiện nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam (nếu có) như quy định đối với nhà cung cấp ở nước ngoài tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

2.3.2 Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: Các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện kê khai số thuế đã khấu trừ theo tháng.

Đối với giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng thì tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện bù trừ số thuế đã khấu trừ, nộp thay của giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng với số thuế phải khấu trừ, nộp thay của các giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Số thuế nộp thay của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử được xác định bằng tổng số thuế của các giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sau khi bù trừ với tổng số thuế các giao dịch bị hủy hoặc trả lại hàng của hộ, cá nhân (nếu có).

2.3.3. Hồ sơ khai thuế: Tờ khai Mẫu số 01/CNKD-TMĐT và Bảng kê chi tiết Mẫu số 01-1/BK-CNKD-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định.

2.3.4. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

2.4. Nghị định quy định trách nhiệm của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay (Điều 7)

3. Hộ sơ, thủ tục kê khai, nộp thuế của hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không có chức năng thanh toán (Điều 8)

3.1. Quy định hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không có chức năng thanh toán trực tiếp thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT, thuế TNCN.

3.2. Quy định thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế bằng phương thức điện tử:

3.2.1. Hộ, cá nhân thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024.

3.2.2. Khai thuế: (i) Khai theo tháng; (ii) Khai theo từng lần phát khi có hoạt động kinh doanh không thường xuyên.

3.2.3. Hồ sơ khai thuế: Mẫu số 02/CNKD-TĐMT ban hành kèm theo Nghị định; thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

3.2.4. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý địa

bàn nơi hộ, cá nhân cư trú (nơi ở hiện tại/ tạm trú/ thường trú).

4. Hồ sơ, thủ tục kê khai, nộp thuế đối với cá nhân không cư trú nộp thuế trên nền tảng thương mại điện tử không có chức năng thanh toán (Điều 9)

4.1. Cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử không có chức năng thanh toán trực tiếp thực hiện khai, nộp thuế GTGT đối với mua bán hàng hóa trong nước, cung cấp dịch vụ và thuế TNCN đối với hàng hóa, dịch vụ kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu theo quy định của Luật thuế GTGT, Luật thuế TNCN cho Chi cục Thuế Thương mại điện tử theo từng lần phát sinh bằng phương thức điện tử.

4.2. Thực hiện đăng ký giao dịch thuế điện tử, đăng ký thuế lần đầu thông qua hồ sơ khai thuế.

4.3. Hồ sơ khai thuế: Tờ khai mẫu số 03/CNNN-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định.

5. Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế (Điều 10)

5.1. Hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu năm của toàn bộ hoạt động kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân thì thực hiện thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

5.2. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế: Văn bản đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 03/CNKD-TMĐT ban hành kèm theo Nghị định này.

5.3. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế là cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi hộ, cá nhân cư trú (nơi ở hiện tại/ tạm trú/ thường trú).

6. Trách nhiệm của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số (Điều 11)

6.1. Trách nhiệm khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin mã số thuế hoặc số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam); số hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (đối với công dân nước ngoài) và các thông tin bắt buộc đối với người bán theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

6.3. Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp cho các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

6.4. Hộ, cá nhân không phải khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập

cá nhân đối với các hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử đã được khấu trừ, nộp thuế thay.

7. Trách nhiệm thi hành (Điều 12)

7.1. Hoạt động kinh doanh thương mại điện tử chịu sự quản lý của nhiều cơ quan, Bộ, ngành có liên quan. Nghị định đã quy định về trách nhiệm thi hành của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để quản lý về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, triển khai thực hiện quản lý các giải pháp hỗ trợ tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay.

7.2. Để có căn cứ xây dựng quy trình hoàn thuế tự động đối với hồ sơ hoàn thuế của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, Nghị định quy định: Cục trưởng Cục Thuế hướng dẫn việc tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu để giải quyết hoàn thuế tự động trên hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của ngành thuế đối với hồ sơ hoàn thuế của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử theo quy định của pháp luật quản lý thuế; cung cấp thông tin số thuế do tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử đã khấu trừ, nộp thay cho hộ, cá nhân qua tài khoản thuế điện tử của người nộp thuế; hỗ trợ hộ, cá nhân sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế khi mã số thuế đã được tích hợp vào số định danh cá nhân./.